

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 002420

Trang : 1/2

Môn học: **Anh văn chuyên ngành (Tin) (224017) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Ngày thi: **11/01/2023**

Phòng thi: **A302**

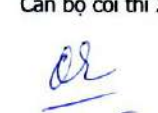
Tổ: **001**

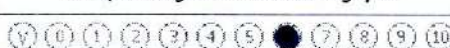
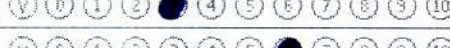
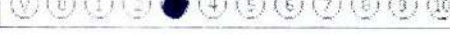
Giờ: **14:45**

Số SV có mặt: **30**

Số bài thi: **30**

Số tờ giấy thi: **30**

Cán bộ coi thi 1  Nguyễn Tấn Sơn	Cán bộ coi thi 2  Vũ T. Quốc Anh	G.Viên chấm thi 1  Nguyễn Văn Hùng	G.Viên chấm thi 2  P. V. H.
---	---	---	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120110071	HỒ NGUYỄN THỊ MỸ ANH	21/10/2002	CCQ2011C		213		86	42	60		
2	2120110036	NGUYỄN NHẬT	23/06/2002	CCQ2011B		358		71	42	54		
3	2120110336	PHẠM TRẦN	30/01/2001	CCQ2011C		486		57	32	42		
4	2120110279	ĐỖ HỮU THANH BÌNH	20/09/2002	CCQ2011I		135		46	32	38		
5	2120110072	LÂM CHÍ	01/07/2002	CCQ2011C		213		91	49	66		
6	2120110107	NGUYỄN XUÂN	12/09/2001	CCQ2011D		358		80	19	43		
7	2120110108	PHẠM ĐỨC	05/02/2001	CCQ2011D		486		80	44	58		
8	2120110110	NGUYỄN HOÀNG ANH CÔNG	22/11/2002	CCQ2011D		135		62	31	43		
9	2120110075	VÕ THỊ BÍCH DU	01/07/2002	CCQ2011C		213		92	35	57		
10	2120110281	NGÔ KHÁNH	04/04/2002	CCQ2011I				0				
11	2120110180	CHÂU THỊ KIM DUYÊN	10/09/2002	CCQ2011F		486		68	30	45		
12	2120110076	TRẦN XUÂN	02/08/2001	CCQ2011C		135		91	34	57		
13	2120110113	NGUYỄN BÌNH	12/10/2002	CCQ2011D		213		50	37	42		
14	2120110077	NGUYỄN TRƯỜNG	27/02/2002	CCQ2011C		358		78	49	61		
15	2120110142	TRẦN VĂN	10/03/1999	CCQ2011E				0				
16	2120110337	NGUYỄN VĂN HẢO	02/07/2002	CCQ2011C		135		74	41	54		
17	2120170052	NGUYỄN VŨ	28/11/2002	CCQ2011J		213		67	36	48		
18	2120110078	LÊ HOÀNG	23/12/2002	CCQ2011C		358		67	41	51		
19	2120110332	PHẠM HỮU	18/09/2002	CCQ2011B		486		65	31	45		
20	2120260256	NGUYỄN VĂN HIỆU	10/05/2002	CCQ2011D		135		52	22	34		

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 21/12/2022

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 002420

Trang : 2/2

Môn học: **Anh văn chuyên ngành (Tin) (224017) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **11/01/2023**

Giờ: **14:45**

Phòng thi: **A302**

Số SV có mặt:30.

Số bài thi:30.

Số tờ giấy thi:30.

Cán bộ coi thi 1 <i>Nguyen Binh</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>V.T. Quế Anh</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Phạm Minh Tuấn</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>P. V. D.</i>
--	---	--	--------------------------------------

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2120110184	DƯƠNG THANH HÒA	26/12/2002	CCQ2011F		219	<i>Loe</i>	86	36	56	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
22	2120110084	LỮ NHẬT HÙNG	17/03/2002	CCQ2011C		358	<i>Hung</i>	62	24	39	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9
23	2120110186	NGUYỄN TUẤN HÙNG	24/06/2000	CCQ2011F				28			☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
24	2120110188	NGUYỄN TIẾN HỮU	01/10/2002	CCQ2011F				0			☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
25	2120110250	NGUYỄN HOÀNG KHANG	26/07/2002	CCQ2011H		486	<i>Khang</i>	45	57	52	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
26	2120110085	NGUYỄN TẤN KHANG	12/10/2002	CCQ2011C		135	<i>Khang</i>	93	36	59	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9
27	2120110117	NGUYỄN ĐÌNH KHOA	29/03/2002	CCQ2011D		213	<i>Khoa</i>	70	43	54	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
28	2120110118	ĐẶNG MINH KHÔI	31/03/2000	CCQ2011D		358	<i>Khoi</i>	75	45	57	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
29	2120110044	NGUYỄN TRẦN GIA KIẾT	05/11/2002	CCQ2011B		486	<i>Kiet</i>	69	48	56	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
30	2120110120	HỒ CAO LONG	16/04/2001	CCQ2011D		435	<i>Long</i>	80	38	55	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
31	2120110122	HUỲNH NGỌC MẠNH	24/04/2002	CCQ2011D		213	<i>Manh</i>	60	37	46	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
32	2120110088	NGUYỄN HOÀNG MÃN	30/01/2002	CCQ2011C		358	<i>Man</i>	65	58	60	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
33	2121110235	NGUYỄN THẢO MINH	08/03/1993	CCQ2111G		213	<i>Minh</i>	92	71	79	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
34	2120110090	TRẦN VĂN MINH	27/10/2002	CCQ2011C		358	<i>Minh</i>	64	47	54	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 002421

Trang : 1/2

Môn học: **Anh văn chuyên ngành (Tin) (224017) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Ngày thi: **11/01/2023**

Phòng thi: **A304**

Tổ: **002**

Giờ: **14:45**

D: 20
H: 12

Số SV có mặt: 32

Số bài thi: 32

Số tờ giấy thi: 32

Cán bộ coi thi 1 <i>K</i> <i>Ng Tân Thúc</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>CM2</i> <i>Trần Hùng</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Nguyễn Minh Tuấn</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>P.V. M.</i>
--	--	--	-------------------------------------

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120110151	VÒNG BẢO MINH	28/11/2000	CCQ2011E								
2	2120110345	ĐẶNG TẤN NAM	06/06/2002	CCQ2011D		358	Nam	63	60	61		
3	2120110093	TRẦN TRỌNG NHÂN	25/02/2002	CCQ2011C		486	Nhân	57	61	59		
4	2120110154	LÊ ANH NHẬT	07/04/2002	CCQ2011E		135	Nhật	66	33	46		
5	2120110155	PHẠM HOÀNG NHẬT	31/05/2002	CCQ2011E		213	Nhật	73	46	57		
6	2120110156	TRƯƠNG MINH NHẬT	04/05/2002	CCQ2011E		358	Nhật	60	52	43		
7	2120110339	NGUYỄN TRUNG PHÁP	05/03/2002	CCQ2011C		486	Pháp	58	53	55		
8	2120110383	NGÔ TẤN PHÁT	28/02/2002	CCQ2011J		135	Phát	49	42	45		
9	2120110094	LÊ ANH PHI	17/06/2002	CCQ2011C		135	Phi	76	67	71		
10	2120110369	NGUYỄN KIM PHI	24/05/2002	CCQ2011H		486	Phi	64	51	56		
11	2120110294	NGUYỄN MAI HOÀNG PHÚC	19/06/2002	CCQ2011I		358	Phúc	33	31	32		
12	2120110095	PHAN VĂN QUANG	25/03/2001	CCQ2011C		213	Quang	89	29	53		
13	2120110096	TÔ NHẬT QUÂN	20/08/2002	CCQ2011C		135	Quân	88	30	53		
14	2120110346	HUỖNH VĂN QUỐC	30/06/2002	CCQ2011D		486	Quốc	62	61	61		
15	2120110347	PHAN THỊ THANH QUY	21/05/2002	CCQ2011D		258	Quy	63	58	60		
16	2120110198	TRẦN THỊ DIỄM QUYÊN	02/11/2002	CCQ2011F		213	Quyên	64	36	47		
17	2120110023	HỒ MINH SANG	31/05/2002	CCQ2011A		213	Sang	56	39	46		
18	2120110299	TRƯƠNG MINH SANG	03/09/2002	CCQ2011I		358	Sang	58	31	42		
19	2120110124	VÕ HỒ XUÂN	06/02/2002	CCQ2011D		486	Xuân	55	41	47		
20	2120110126	NGUYỄN VĂN SƠN	13/08/2002	CCQ2011D		135	Sơn	77	59	66		

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 002421

Trang : 2/2

Môn học: **Anh văn chuyên ngành (Tin) (224017) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Tổ: **002**

Ngày thi: **11/01/2023**

Giờ: **14:45**

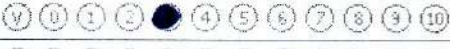
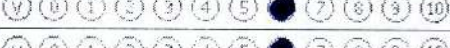
Phòng thi: **A304**

Số SV có mặt: **32**

Số bài thi: **32**

Số tờ giấy thi: **32**

Cán bộ coi thi 1  Nguyễn Thị	Cán bộ coi thi 2  Trần Huy	G.Viên chấm thi 1  Trần Minh Tuấn	G.Viên chấm thi 2  P. V. Anh
---	---	--	---

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2120110161	VÕ THỊ THU THẢO	12/07/1999	CCQ2011E		213		77	49	60		
22	2120110131	NGUYỄN LÊ CẢNH TIẾN	12/06/2002	CCQ2011D		358		55	32	41		
23	2120110132	HỒ VĂN TÌNH	11/11/2001	CCQ2011D		486		70	38	51		
24	2120110099	LÊ VĂN TÌNH	18/10/2002	CCQ2011C		135		77	43	57		
25	2120110100	HUỖNH THIẾU TỐNG	30/11/2002	CCQ2011C		135		54	38	41		
26	2120110341	TRẦN ĐẮC TRIỀU	12/03/2002	CCQ2011C		486		73	42	54		
27	2120110065	CAO TRẦN TRUNG	02/02/2002	CCQ2011B		358		43	32	36		
28	2120110031	NGUYỄN TRUNG TRƯỜNG	22/12/2002	CCQ2011A		213		82	45	60		
29	2117220043	PHẠM DƯƠNG THANH TUẤN	21/09/1998	CCQ1722A		135		90	46	64		
30	2120110330	ĐỖ NGUYỄN THÀNH VIỆT	27/10/2002	CCQ2011A		135		66	26	42		
31	2120110104	HUỖNH ANH VŨ	15/01/2001	CCQ2011C		213		81	32	52		
32	2120110034	BÙI VĂN VUI	02/08/2002	CCQ2011A		486		74	48	58		
33	2120110105	HUỖNH THỊ Ý	09/10/2002	CCQ2011C		358		84	36	55		